

DẠNG 3: ĐIỀU KIỆN ĐỂ $F(x)=G(m)$ CÓ N - NGHIỆM (KHÔNG CHỨA TRỊ TUYỆT ĐỐI)

Câu 94: Có tất cả bao nhiêu giá trị nguyên của m để phương trình $x^3 - 6x^2 + m = 0$ có 3 nghiệm phân biệt.

A. 34

B. 31.

C. 32.

D. 21.

Câu 95: Cho hàm số $y = f(x)$ xác định, liên tục trên $\mathbb{R} \setminus \{1\}$ và có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$		0		1		3		$+\infty$
y'		+	0	+		-	0	+	
y	$-\infty$	↗			$+\infty$	↘			$+\infty$
		0				$\frac{27}{4}$			

Tìm điều kiện của m để phương trình $f(x) = m$ có 3 nghiệm phân biệt.

A. $m < 0$.B. $m > 0$.C. $0 < m < \frac{27}{4}$.D. $m > \frac{27}{4}$.

Câu 96: Xác định m để đường thẳng $y = mx - 1$ cắt đồ thị hàm số $y = \frac{2-x}{2+x}$ tại hai điểm phân biệt.

A. $m < -1$ hoặc $m > 6$.B. $m < 1$ hoặc $m > 2$.C. $m < 0$ hoặc $m > 2$.D. $m < -4$ hoặc $m > 0$.

Câu 97: Cho hàm số $y = \frac{x^4}{2} - 3x^2 + \frac{5}{2}$, có đồ thị là (C) và điểm $M \in (C)$ có hoành độ $x_M = a$. Có bao nhiêu giá trị nguyên của a để tiếp tuyến của (C) tại M cắt (C) tại hai điểm phân biệt khác M .

A. 0.

B. 3.

C. 2.

D. 1.

Câu 98: Cho hàm số $y = x^4 - 2x^2 + 1$ có đồ thị (C) và đường thẳng $(d): y = m + 1$ (m là tham số). Đường thẳng (d) cắt (C) tại 4 điểm phân biệt khi các giá trị của m là:

A. $1 < m < 2$.B. $-1 < m < 0$.C. $-5 < m < -3$.D. $3 < m < 5$.

Câu 99: Gọi S là tập các giá trị của tham số m để đường thẳng $d: y = x + 1$ cắt đồ thị hàm số $y = \frac{4x - m^2}{x - 1}$ tại đúng một điểm. Tìm tích các phần tử của S .

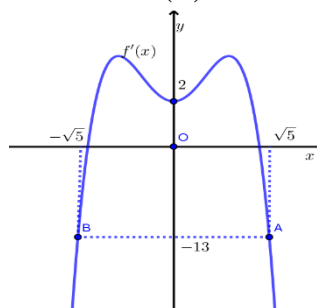
A. $\sqrt{5}$.

B. 4.

C. 5.

D. 20.

Câu 100: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị hàm số $y = f'(x)$ như hình vẽ:



Xét hàm số $g(x) = 2f(x) + 2x^3 - 4x - 3m - 6\sqrt{5}$ với m là số thực. Để $g(x) \leq 0$ $\forall x \in [-\sqrt{5}; \sqrt{5}]$ thì điều kiện của m là

A. $m \geq \frac{2}{3} f(\sqrt{5})$.B. $m \leq \frac{2}{3} f(\sqrt{5})$.

C. $m \leq \frac{2}{3} f(0) - 2\sqrt{5}$.

D. $m \geq \frac{2}{3} f(-\sqrt{5}) - 4\sqrt{5}$.

Câu 101: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m sao cho đồ thị của hàm số $y = 2x^3 - (2+m)x + m$ cắt trục hoành tại 3 điểm phân biệt.

A. $m > \frac{1}{2}$.

B. $m \leq \frac{1}{2}$.

C. $m > -\frac{1}{2}; m \neq 4$.

D. $m > -\frac{1}{2}$.

Câu 102: Với giá trị nào của m thì đường cong $(C): y = x^3 + 3x^2 + 1$ cắt đường thẳng $(d): y = 5^m$ tại ba điểm phân biệt?

A. Không có giá trị nào của m thỏa mãn yêu cầu của đề bài.

B. $0 < m < 5$.

C. $1 < m < 5$.

D. $0 < m < 1$.

Câu 103: Tìm tất cả giá trị thực của m để phương trình: $x^4 - 2x^2 = m$ có 4 nghiệm thực phân biệt.

A. $0 < m < 1$.

B. $-2 < m < 2$.

C. $-1 < m < 0$.

D. $-1 < m < 1$.

Câu 104: Tất cả giá trị của m sao cho phương trình $x^3 - 3x = 2m$ có ba nghiệm phân biệt là

A. $-1 < m < 1$.

B. $\begin{cases} m < -1 \\ m > 1 \end{cases}$.

C. $-2 < m < 2$.

D. $m < 1$.

Câu 105: Tìm các giá trị thực của tham số m sao cho phương trình $-x^3 - 3x^2 + 2 = m$ có ba nghiệm thực phân biệt?

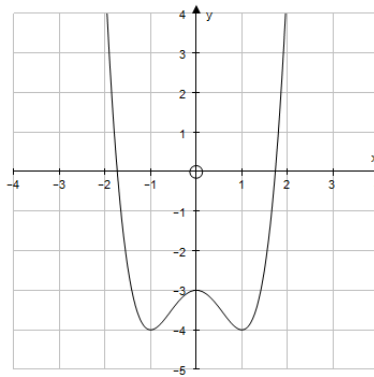
A. $m \in (-2; 1)$

B. $m \in [-2; 2]$

C. $m \in (-2; 2)$

D. $m \in \emptyset$

Câu 106: Cho hàm số $y = f(x)$ liên tục trên $\mathbb{R}$ và có đồ thị như hình vẽ dưới đây.



Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $f(x) = m$ có 4 nghiệm thực phân biệt.

A. $m \in \{-4; -3\}$.

B. $-4 < m < -3$.

C. $-2 < m < 2$.

D. $-4 \leq m \leq -3$.

Câu 107: Tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $x^3 - 12x + m - 2 = 0$ có ba nghiệm thực phân biệt.

A. $-14 < m < 18$

B. $-4 < m < 4$

C. $-16 < m < 16$

D. $-18 < m < 14$

Câu 108: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $x^3 - 3x + 2m = 0$ có ba nghiệm thực phân biệt.

A. $m \in (-1; 1)$.

B. $m \in (-\infty; -1) \cup (1; +\infty)$.

C. $m \in (-2; +\infty)$.

D. $m \in (-2; 2)$.

Câu 109: Cho hàm số $y = f(x)$ xác định và liên tục trên các khoảng $(-\infty; 0)$, $(0; +\infty)$ và có bảng biến thiên như sau:

x	$-\infty$	-2	0	2	$+\infty$	
y'		$+$	0	$+$	0	$-$
y			$+\infty$		0	
	-4		$-\infty$			-7

Tìm tất cả các giá trị thực của m để đường thẳng $y = m$ cắt đồ thị hàm số $y = f(x)$ tại 3 điểm phân biệt.

- A. $-4 < m < 0$. B. $-4 < m \leq 0$. C. $-7 < m < 0$. D. $-4 \leq m < 0$.

Câu 110: Cho hàm số $y = x^4 - 3x^2 - 2$. Tìm số thực dương m để đường thẳng $y = m$ cắt đồ thị hàm số tại 2 điểm phân biệt A, B sao cho tam giác OAB vuông tại O , trong đó O là gốc tọa độ.

- A. $m = 1$. B. $m = \frac{3}{2}$. C. $m = 3$. D. $m = 2$.

Câu 111: Tất cả các giá trị của tham số m để hàm số $y = x^4 - 2x^2 + m$ cắt trục hoành tại 4 điểm là

- A. $-1 \leq m < 0$. B. $0 \leq m < 1$. C. $-1 < m < 0$. D. $0 < m < 1$.

Câu 112: Tìm tất cả các giá trị của tham số m để phương trình $\frac{2|x|-1}{|x|+2} = m$ có 2 nghiệm phân biệt.

- A. $m \in (0; 3)$. B. $m \in \left(-\frac{1}{2}; 2\right)$. C. $m \in \left(1; \frac{5}{2}\right)$. D. $m \in \left(-2; \frac{1}{2}\right)$.

Câu 113: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để bất phương trình $x^3 - 3x + 4 \geq m(\sqrt{x} - \sqrt{x-1} + 1)$ nghiệm đúng với mọi $x \geq 1$.

- A. $m \in (-\infty; 0]$. B. $m \in (-\infty; 1]$. C. $m \in (-\infty; -1]$. D. $m \in (-\infty; 0)$.

Câu 114: Tìm tất cả các giá trị của tham số m để đồ thị (C) của hàm số $y = x^3 - 3x + m$ cắt trục hoành tại đúng 3 điểm phân biệt.

- A. $m \in (2; +\infty)$. B. $m \in (-2; 2)$. C. $m \in \emptyset$. D. $m \in (-\infty; -2)$.

Câu 115: Các giá trị m để đường thẳng $y = m$ cắt đồ thị hàm số $y = \frac{1}{2}x^4 - x^2 + 3$ tại 4 điểm phân biệt là:

- A. $\frac{5}{2} < m < 3$. B. $\frac{1}{2} < m < 3$. C. $m > 3$. D. $\frac{1}{2} < m < \frac{5}{2}$.

Câu 116: Cho hàm số $y = x^2 + m(\sqrt{2018 - x^2} + 1) - 2021$ với m là tham số thực. Gọi S là tổng tất cả các giá trị nguyên của tham số m để đồ thị của hàm số đã cho cắt trục hoành tại đúng hai điểm phân biệt. Tính S .

- A. 986. B. 984. C. 990. D. 960.

Câu 117: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $\sqrt{x} + \sqrt{4-x} = \sqrt{-x^2 + 4x + m}$ có nghiệm thực.

- A. $m \geq 5$. B. $4 < m < 5$. C. $4 \leq m \leq 5$. D. $m \leq 4$.

Câu 118: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $5x^2 + 12x + 16 = m(x+2)\sqrt{x^2 + 2}$ có hai nghiệm thực phân biệt thỏa mãn điều kiện $2017^{2x+\sqrt{x+1}} - 2017^{2+\sqrt{x+1}} + 2018x \leq 2018$.

- A. $m \in (2\sqrt{6}; 3\sqrt{3}]$. B. $m \in [2\sqrt{6}; 3\sqrt{3}]$.
C. $m \in \left(3\sqrt{3}; \frac{11}{3}\sqrt{3}\right) \cup \{2\sqrt{6}\}$. D. $m \in \left(2\sqrt{6}; \frac{11}{3}\sqrt{3}\right)$.

Câu 119: Cho phương trình $2x^2 - 2(m+1)x + 4 - m = 0$ với m là tham số thực. Biết rằng đoạn $[a; b]$ là tập hợp tất cả các giá trị của m để phương trình đã cho có nghiệm thực thuộc đoạn $\left[0; \frac{3}{2}\right]$.

Tính $a+b$.

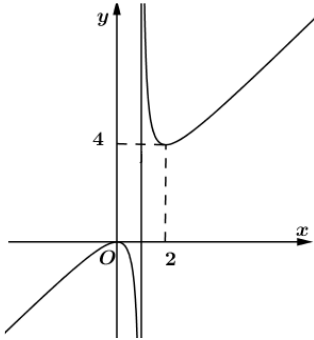
A. $3 + \sqrt{11}$.

B. $2 + \sqrt{11}$.

C. $2 + 3\sqrt{11}$.

D. $2 - \sqrt{11}$.

Câu 120: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ sau. Hỏi với giá trị thực nào của m thì đường thẳng $y = 2m$ cắt đồ thị hàm số đã cho tại hai điểm phân biệt.



A. $m = 2$.

B. $m = 0$.

C. $0 < m < 2$.

D.

$m < 0$ ú $m > 2$.

Câu 121: Tìm tất cả các giá trị m nguyên để phương trình $x^4 - 2x^2 + 4 - m = 0$ có bốn nghiệm thực.

A. $m = 2$.

B. $m = 3$.

C. $m \in \emptyset$.

D. $m = 1$.

Câu 122: Cho hàm số $y = x^3 - 3x + 2$ có đồ thị (C) . Gọi d là đường thẳng đi qua $A(3; 20)$ và có hệ số góc m . Giá trị của m để đường thẳng d cắt (C) tại 3 điểm phân biệt.

A. $m < \frac{15}{4}, m \neq 24$.

B. $m > \frac{15}{4}, m \neq 24$.

C. $m < \frac{15}{4}$.

D. $m \geq \frac{15}{4}$.

Câu 123: Biết đường thẳng $d: y = 2x + m$ (m là tham số thực) cắt đồ thị hàm số $y = \frac{x+3}{x+1}$ tại hai điểm phân biệt M và N . Giá trị của m sao cho độ dài đoạn thẳng MN ngắn nhất là

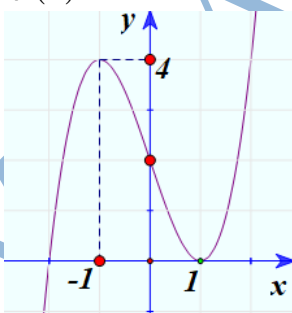
A. $m = 1$.

B. $m = 2$.

C. $m = 3$.

D. $m = -1$.

Câu 124: Cho đồ thị hàm số $y = f(x)$ như hình vẽ. Tìm tất cả các giá trị thực m để phương trình $f(x) + 1 = m$ có ba nghiệm phân biệt.



A. $1 < m < 5$.

B. $-1 < m < 4$.

C. $0 < m < 4$.

D. $0 < m < 5$.

Câu 125: Tập tất cả các giá trị của m để phương trình $\sqrt[4]{x^2+1} - \sqrt{x} = m$ có nghiệm là

A. $(-\infty; 0]$.

B. $(1; +\infty)$.

C. $(0; 1]$.

D. $(0; 1)$.

Câu 126: Tìm tất cả các giá trị của tham số m để phương trình $-x^4 + 2x^2 + 3 + 2m = 0$ có 4 nghiệm phân biệt:

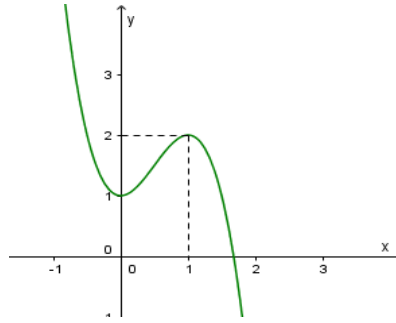
A. $3 < m < 4$.

B. $\frac{-3}{2} < m < 2$.

C. $-2 < m < \frac{-3}{2}$.

D. $-2 \leq m \leq \frac{-3}{2}$.

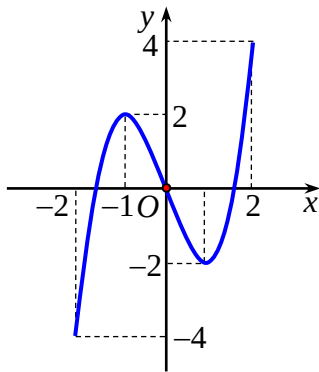
Câu 127: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ sau:



Số nghiệm của phương trình $2|f(x-1)|-3=0$ là:

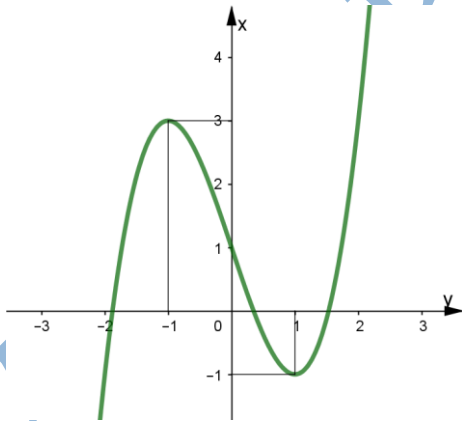
- A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 128: Cho hàm số $y = f(x)$ xác định và liên tục trên đoạn $[-2; 2]$ và có đồ thị là đường cong trong hình vẽ bên. Tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $f(x) = m$ có 3 nghiệm phân biệt là:



- A. $m \in (2; +\infty)$. B. $m \in [-2; 2]$. C. $m \in (-2; 3)$. D. $m \in (-2; 2)$.

Câu 129: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ bên. Có bao nhiêu giá trị nguyên dương của tham số m để phương trình $f(x) = \log_2 m$ có đúng ba nghiệm thực phân biệt?



- A. 6. B. 7. C. 5. D. 8.

Câu 130: Cho hàm số $y = x^3 - 3x + 2$ có đồ thị (C) . Gọi d là đường thẳng đi qua điểm $A(3; 20)$ và có hệ số góc là m . Với giá trị nào của m thì d cắt (C) tại 3 điểm phân biệt:

- A. $\begin{cases} m < \frac{15}{4} \\ m \neq 24 \end{cases}$. B. $\begin{cases} m < \frac{1}{5} \\ m \neq 0 \end{cases}$. C. $\begin{cases} m > \frac{15}{4} \\ m \neq 24 \end{cases}$. D. $\begin{cases} m > \frac{1}{5} \\ m \neq 1 \end{cases}$.

Câu 131: Cho đồ thị $(C_m): y = x^3 - 12x + m - 2$. Tìm m để (C_m) cắt trục Ox tại 3 điểm phân biệt?

- A. $-14 < m < 18$. B. $-18 < m < 14$. C. $-4 < m < 4$. D. $-16 < m < 16$.

Câu 132: Hàm số $y = f(x)$ xác định trên $\mathbb{R} \setminus \{-1; 1\}$, liên tục trên mỗi khoảng xác định và có bảng biến thiên như hình vẽ.

x	$-\infty$	-1	1	$+\infty$
y'		+	+	+
y	-2	$+\infty$	$+\infty$	2

Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $f(x) = m$ có 3 nghiệm thực phân biệt.

- A. $m \in [-2; 2]$. B. $m \in (2; +\infty)$. C. $m \in (-2; 2)$. D. $m \in (-\infty; -2)$.

Câu 133: Gọi S là tập tất cả các giá trị của tham số m để đồ thị hàm số $y = x^3 + 3x^2 - 9x + 2m + 1$ và trục Ox có đúng hai điểm chung phân biệt. Tính tổng T của các phần tử thuộc tập S .

- A. $T = -10$. B. $T = 12$. C. $T = 10$. D. $T = -12$.

Câu 134: Tất cả các giá trị của m để đường thẳng $y = 4m$ cắt đồ thị hàm số $(C) : y = x^4 - 8x^2 + 3$ tại 4 phân biệt là.

- A. $-\frac{13}{4} < m < \frac{3}{4}$. B. $-\frac{13}{4} \leq m \leq \frac{3}{4}$. C. $-13 < m < 3$. D. $-13 \leq m \leq 3$.

Câu 135: Phương trình $x^3 + x(x+1) = m(x^2 + 1)^2$ có nghiệm thực khi và chỉ khi

- A. $-\frac{1}{4} \leq m \leq \frac{3}{4}$. B. $-1 \leq m \leq \frac{14}{25}$. C. $m \leq \frac{4}{3}$. D. $-6 \leq m \leq \frac{3}{4}$.

Câu 136: Tìm tất cả các giá trị của m để phương trình $x + 1 = m\sqrt{2x^2 + 1}$ có hai nghiệm phân biệt.

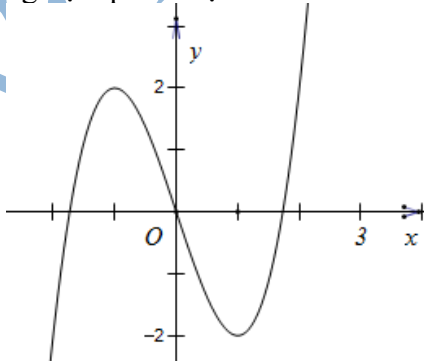
- A. $m > \frac{\sqrt{6}}{6}$. B. $\frac{\sqrt{2}}{2} < m < \frac{\sqrt{6}}{2}$. C. $-\frac{\sqrt{2}}{2} < m < \frac{\sqrt{6}}{6}$. D. $m < \frac{\sqrt{2}}{2}$.

Câu 137: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $x^3 - 3x^2 - m^3 + 3m^2 = 0$ có ba nghiệm phân biệt.

- A. $m \in (-1; 3)$. B. $m \in (-1; +\infty)$.
C. $m \in (-1; 3) \setminus \{0, 2\}$. D. $m = 2$.

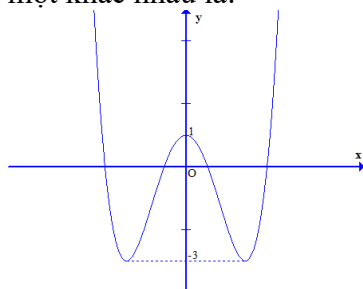
DẠNG 4: ĐIỀU KIỆN ĐỂ $F(x) = G(m)$ CÓ N - NGHIỆM (CHỨA TRỊ TUYỆT ĐỐI)

Câu 138: Cho hàm số $y = x^3 - 3x$ có đồ thị như hình vẽ bên. Phương trình $|x^3 - 3x| = m^2 + m$ có 6 nghiệm phân biệt khi và chỉ khi:



- A. $-2 < m < -1$ hoặc $0 < m < 1$. B. $m > 0$.
C. $m < -2$ hoặc $m > 1$. D. $-1 < m < 0$.

Câu 139: Hình vẽ bên là đồ thị hàm trùng phương. Giá trị m để phương trình $|f(x)| = m$ có 4 nghiệm đôi một khác nhau là:

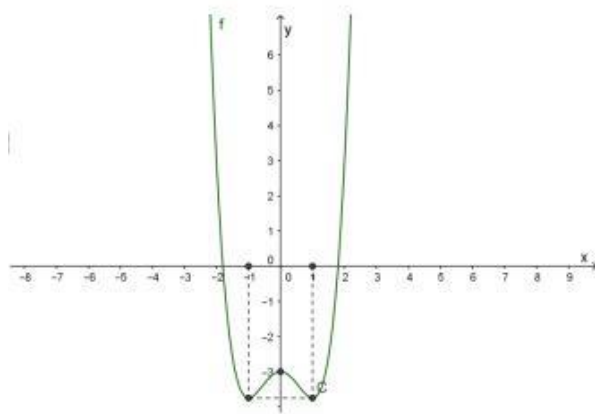


- A. $1 < m < 3$. B. $m = 0, m = 3$. C. $-3 < m < 1$. D. $m = 0$.

Câu 140: Gọi S là tập hợp tất cả các giá trị của tham số m để phương trình $|2x^4 - 4x^2 + 1| = m$ có 8 nghiệm phân biệt. Tìm S ?

- A. $S = (1; 2)$ B. $S = (0; 2)$ C. $S = (0; 1)$ D. $S = (-1; 1)$

Câu 141: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình vẽ bên. Xác định tất cả các giá trị của tham số m để phương trình $|f(x)| = m$ có đúng 2 nghiệm thực phân biệt.

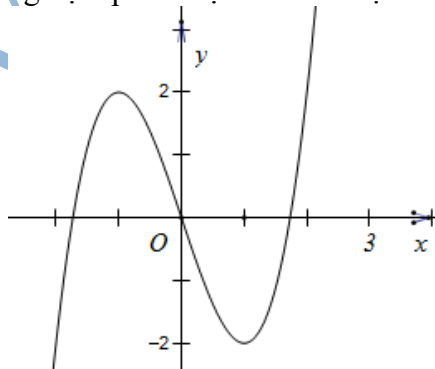


- A. $-4 < m < 0$. B. $m > 4; m = 0$. C. $3 < m < 4$. D. $0 < m < 3$.

Câu 142: Gọi M, N là giao điểm của đường thẳng $y = x + 1$ và đồ thị hàm số $y = \frac{2x+4}{x-1}$. Khi đó hoành độ trung điểm I của đoạn thẳng MN bằng

- A. 2. B. -1. C. 1. D. $-\frac{5}{2}$.

Câu 143: Cho hàm số $y = x^3 - 3x$ có đồ thị như hình vẽ bên. Phương trình $|x^3 - 3x| = m^2 + m$ có 6 nghiệm phân biệt khi m thuộc



- A. $-2 < m < -1$ hoặc $0 < m < 1$. B. $-1 < m < 0$.
C. $m < -2$ hoặc $m > 1$. D. $m > 0$.

Câu 144: Số các giá trị của m để phương trình $x^4 - 2 = m(1 - |x|)$ có đúng 1 nghiệm là.

- A. 3. B. 1. C. Vô số. D. 0.

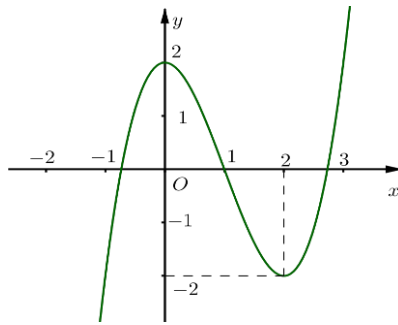
Câu 145: Tìm tất cả các giá trị thực k để phương trình $\left| -2x^3 - \frac{3}{2}x^2 + 3x + \frac{1}{2} \right| = \left| \frac{k}{2} - 1 \right|$ có đúng 4 nghiệm phân biệt.

- A. $k \in \emptyset$. B. $k \in \left(-2; -\frac{3}{4} \right) \cup \left(\frac{19}{4}; 6 \right)$.
C. $k \in \left(\frac{19}{4}; 5 \right)$. D. $k \in (-2; -1) \cup \left(1; \frac{19}{4} \right)$.

Câu 146: Biết đường thẳng $y = m - 1$ cắt đồ thị hàm số $y = 2|x|^3 - 9x^2 + 12|x|$ tại 6 điểm phân biệt. Tất cả giá trị của tham số m là

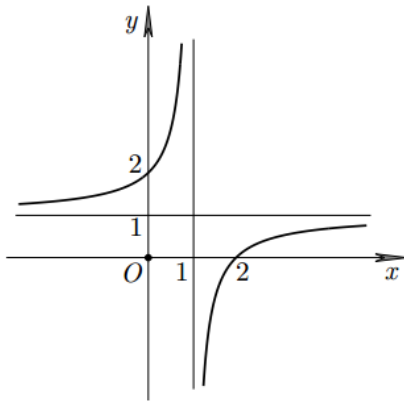
- A. $3 < m < 4$. B. $m > 6$ hoặc $m < 5$.
C. $4 < m < 5$. D. $5 < m < 6$.

Câu 147: Cho hàm số $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2$ có đồ thị là đường cong trong hình bên. Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $|x|^3 - 3x^2 + 2 = m$ có nhiều nghiệm thực nhất.



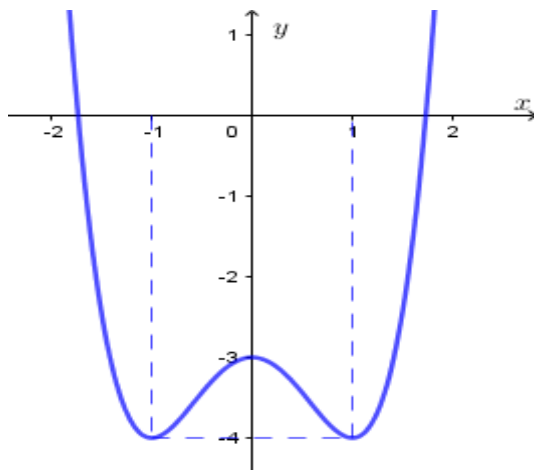
- A. $-2 \leq m \leq 2$. B. $-2 < m < 2$. C. $0 \leq m \leq 2$. D. $0 < m < 2$.

Câu 148: Cho hàm số $f(x) = \frac{ax+b}{cx+d}$ có đồ thị là đường cong như hình bên. Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $|f(x)| = m$ có nhiều nghiệm thực nhất.



- A. $m > 0; m \neq 1$. B. $m > 2$. C. $m > 1$. D. $m > 0$.

Câu 149: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như đường cong trong hình dưới đây. Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $|f(x)| = m$ có 6 nghiệm phân biệt:



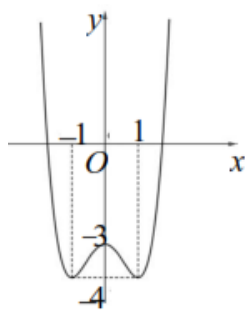
A. $-4 < m < -3$.

B. $0 < m < 3$.

C. $m > 4$.

D. $3 < m < 4$.

Câu 150: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như đường cong trong hình vẽ dưới đây. Tìm giá trị của tham số m để phương trình $|f(x)| + 1 = m$ có 6 nghiệm phân biệt?



A. $0 < m < 4$

B. $-4 < m < -3$

C. $4 < m < 5$

D. $m > 5$

Câu 151: Tập hợp tất cả các giá trị của tham số m để đồ thị hàm số $y = x^2 + m\sqrt{4-x^2} + m - 7$ có điểm chung với trục hoành là $[a; b]$ (với $a; b \in \mathbb{Q}$). Tính giá trị của $S = 2a + b$.

A. $S = 7$.

B. $S = 5$.

C. $S = \frac{23}{3}$.

D. $S = \frac{19}{3}$.

Câu 152: Cho hàm số $y = \frac{x^2 - x + 1}{x - 1}$ có đồ thị (C) . Gọi A, B là hai điểm phân biệt trên đồ thị (C) có hoành độ x_1, x_2 thỏa $x_1 < 1 < x_2$. Giá trị nhỏ nhất của AB là

A. $\sqrt{8\sqrt{2} + 8}$.

B. $12\sqrt[3]{4}$.

C. $8\sqrt{2} - 8$.

D. $2\sqrt{5}$.

Câu 153: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau:

x	$-\infty$	-3	0	3	$+\infty$				
y'		$-$	0	$+$	0	$-$	0	$+$	
y	$+\infty$			2			3		$+\infty$

Tìm tất cả giá trị thực của tham số m để phương trình $f(x) - m = 0$ có bốn nghiệm phân biệt.

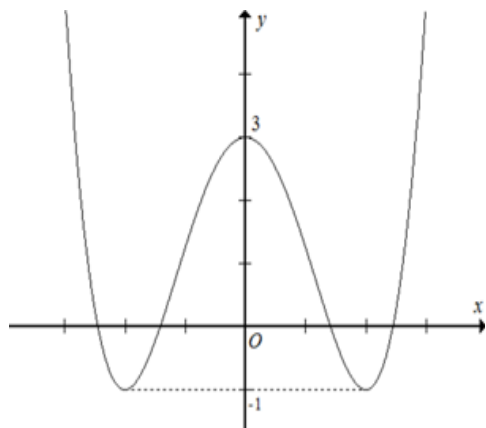
A. $m > -3$

B. $-3 < m < 2$.

C. $-3 \leq m \leq 2$.

D. $m < -2$.

Câu 154: Cho hàm số $y = \frac{1}{4}x^4 - 2x^2 + 3$ có đồ thị như hình dưới. Tổng tất cả các giá trị nguyên của tham số m để phương trình $|x^4 - 8x^2 + 12| = m$ có 8 nghiệm phân biệt là:



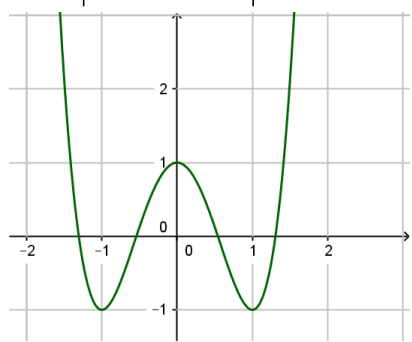
A. 0.

B. 3.

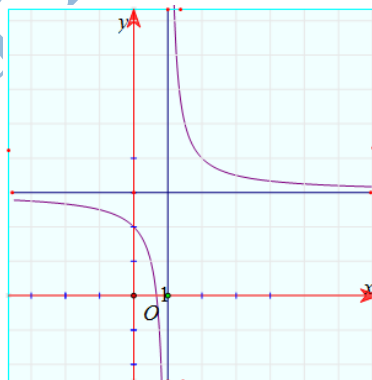
C. 6.

D. 10.

Câu 155: Hình bên là đồ thị hàm số $y = 2x^4 - 4x^2 + 1$. Tìm tất cả các giá trị của tham số m để phương trình $\left|x^4 - 2x^2 + \frac{1}{2}\right| = 2m$ có 8 nghiệm phân biệt.

A. $0 < m < \frac{1}{2}$.B. $0 < m < \frac{1}{4}$.C. $-\frac{1}{4} < m < \frac{1}{2}$.D. $m^3 \frac{1}{4}$.

Câu 156: Hình vẽ dưới đây là đồ thị của hàm số $y = \frac{3x-2}{x-1}$.



Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $\frac{|3x-2|}{x-1} = m$ có hai nghiệm thực dương?

A. $m > 3$.B. $m < -3$.C. $0 < m < 3$.D. $-2 < m < 0$.

Câu 157: Cho hàm số $f(x) = x^3 - 3x^2 + x + \frac{3}{2}$. Phương trình $\frac{f(f(x))}{2f(x)-1} = 1$ có bao nhiêu nghiệm thực phân biệt?

A. 5 nghiệm.

B. 9 nghiệm.

C. 4 nghiệm.

D. 6 nghiệm.

Câu 158: Cho hàm số $y = f(x)$ xác định, liên tục trên $\mathbb{R}$ và có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$	0	1	$+\infty$			
y'		$+$	$ $	$-$	0	$+$	
y			0		-1		$+\infty$
	$-\infty$						

Tìm các giá trị thực của tham số m để phương trình $|f(x)| = m + 2$ có bốn nghiệm phân biệt

- A. $-3 < m < -2$ B. $-3 \leq m \leq -2$. C. $-2 \leq m \leq -1$. D. $-2 < m < -1$.

Câu 159: Phương trình $|\sin x - \cos x| + \sin 2x = m$ có nghiệm khi và chỉ khi.

- A. $1 \leq m \leq \frac{5}{4}$. B. $\sqrt{2} - 1 \leq m \leq 1$.
 C. $\sqrt{2} - 1 \leq m \leq \frac{5}{4}$. D. $m = 1$ hoặc $m = \frac{5}{4}$.

Câu 160: Tìm tập hợp tất cả các giá trị của tham số thực m sao cho phương trình $\frac{||x|-2|}{|x|+1} = m$ có đúng hai nghiệm thực phân biệt.

- A. $[0; 2)$. B. $[1; 2] \cup \{0\}$. C. $[1; 2)$. D. $[1; 2) \cup \{0\}$.

Câu 161: Giá trị của m để phương trình:

$$\sqrt{x} + 2\sqrt[4]{x} + \sqrt{6-x} + 2\sqrt[4]{6-x} = m.$$

có hai nghiệm phân biệt là.

- A. $\sqrt{6} + 2\sqrt[4]{6} \leq m < 2\sqrt{3} + 4\sqrt[4]{3}$. B. $\sqrt{6} + 2\sqrt[4]{6} < m < 2\sqrt{3} + 4\sqrt[4]{3}$.
 C. $\sqrt{6} + 2\sqrt[4]{6} < m \leq 2\sqrt{3} + 4\sqrt[4]{3}$. D. $\sqrt{6} + 2\sqrt[4]{6} \leq m \leq 2\sqrt{3} + 4\sqrt[4]{3}$.

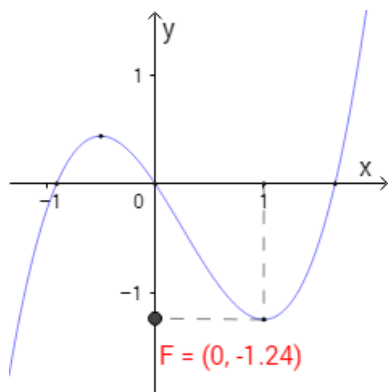
Câu 162: Cho hàm số $y = f(x) = ax^3 + bx^2 + cx + d$ có bảng biến thiên như sau:

x	$-\infty$	0	1	$+\infty$	
y'	$+$	0	$-$	0	$+$
y	$-\infty$	1	0	$+\infty$	

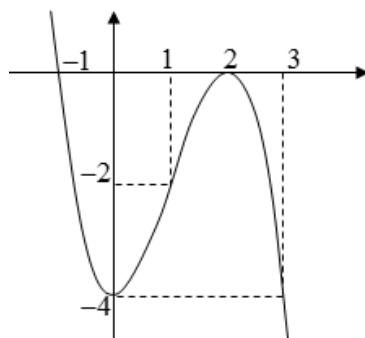
Khi đó $|f(x)| = m$ có bốn nghiệm phân biệt $x_1 < x_2 < x_3 < \frac{1}{2} < x_4$ khi và chỉ khi.

- A. $0 < m \leq 1$. B. $\frac{1}{2} \leq m < 1$. C. $\frac{1}{2} < m < 1$. D. $0 < m < 1$.

Câu 163: Cho hàm số $y = x^3 - \frac{3}{4}x^2 - \frac{3}{2}x$ có đồ thị như hình vẽ sau. Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m sao cho phương trình $4|x^3| - 3x^2 - 6|x| = m^2 - 6m$ có đúng ba nghiệm phân biệt.

A. $1 < m < 6$.C. $m > 0$ hoặc $m < 6$.B. $m = 0$ hoặc $m = 6$.D. $0 < m < 3$.

Câu 164: Đồ thị sau đây là của hàm số $y = f(x) = -x^3 + 3x^2 - 4$.

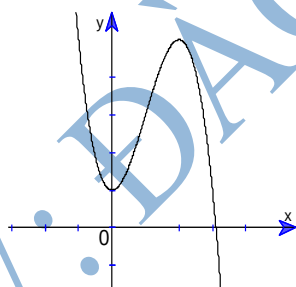


Với giá trị nào của tham số m thì phương trình $|f(x)| = m + 1$ có 4 nghiệm thực phân biệt.

A. $-4 < m \leq 0$.B. $0 < m < 4$.C. $-1 < m < 3$.D. $m \leq -4$ hay $m > 0$.

DẠNG 5: ĐIỀU KIỆN ĐỂ $F(x) = G(m)$ CÓ N -NGHIỆM THUỘC K (KHÔNG CHỨA TRỊ TUYỆT ĐỐI)

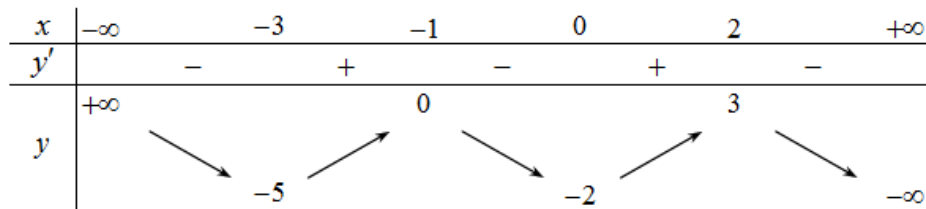
Câu 165: Tìm tất cả các giá trị của m để đồ thị hàm số $y = x^3 - 3x + 2$ cắt đường thẳng $y = m - 1$ tại 3 điểm phân biệt.

A. $1 \leq m < 5$.B. $0 < m < 4$.C. $1 < m < 5$.D. $1 < m \leq 5$.

Câu 166: Xác định a để đường thẳng $y = -2x + 1$ cắt đồ thị hàm số $y = x^3 + 2ax^2 - x + 1$ tại ba điểm phân biệt.

A. $|a| > \sqrt{2}$.B. $|a| > 1$.C. $a > 2$.D. $a > -2$ và $a \neq 0$.

Câu 167: -2017] Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên sau.



Tìm m để đồ thị hàm số $y = f(x)$ và $y = m$ cắt nhau tại hai điểm nằm ở hai phía trục tung?

A. $\square$.

B. $m = 3$.

C. $m = -5$ và $m = 3$.

D. $m = -5$.

Câu 168: Tập hợp tất cả các giá trị thực của tham số m để đường thẳng $y = -2x + m$ cắt đồ thị hàm số $y = \frac{x+1}{x-2}$ tại hai điểm phân biệt là.

A. $(-\infty; 5 - 2\sqrt{6}] \cup [5 + 2\sqrt{6}; +\infty)$

B. $(-\infty; 5 - 2\sqrt{3}) \cup (5 + 2\sqrt{3}; +\infty)$

C. $(-\infty; 5 - 2\sqrt{6}) \cup (5 + 2\sqrt{6}; +\infty)$

D. $(5 - 2\sqrt{3}; 5 + 2\sqrt{3})$

Câu 169: Cho hàm số $y = -x^3 + 3x^2 + 1$ có đồ thị là (C) . Gọi k là hệ số góc của đường thẳng (d) đi qua điểm $A(-1; 5)$. Tìm tất cả các giá trị của k để đường thẳng (d) cắt đường cong (C) tại 3 điểm phân biệt.

A. $\begin{cases} k < 0 \\ k = 1 \end{cases}$.

B. $\begin{cases} k < 0 \\ k \neq -1 \end{cases}$.

C. $\begin{cases} k < 0 \\ k = 1 \end{cases}$.

D. $\begin{cases} k < 0 \\ k \neq -1 \end{cases}$.

Câu 170: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để đường thẳng $y = 4x - 5$ cắt đồ thị hàm số $y = x^3 - (m+2)x + 2m - 1$ tại ba điểm phân biệt.

A. $\begin{cases} m > -1 \\ m \neq 2 \end{cases}$.

B. $m > -1$.

C. $\begin{cases} m > -3 \\ m \neq 6 \end{cases}$.

D. $m > -3$.

Câu 171: Tìm m để phương trình $x^6 + 6x^4 - m^3x^3 + (15 - 3m^2)x^2 - 6mx + 10 = 0$ có đúng hai nghiệm phân biệt thuộc $\left[\frac{1}{2}; 2\right]$.

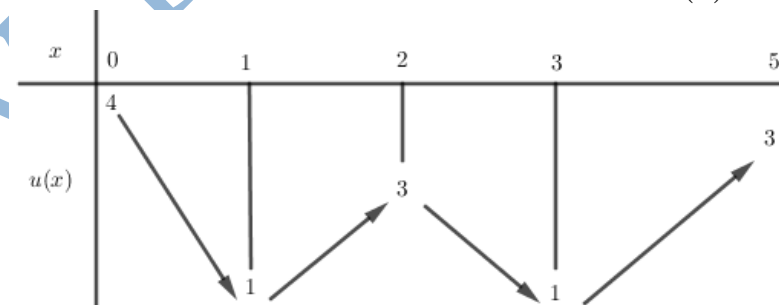
A. $\frac{11}{5} < m < 4$.

B. $2 < m \leq \frac{5}{2}$.

C. $\frac{7}{5} \leq m < 3$.

D. $0 < m < \frac{9}{4}$.

Câu 172: Cho hàm số $u(x)$ liên tục trên đoạn $[0; 5]$ và có bảng biến thiên như hình vẽ. Có bao nhiêu giá trị nguyên m để phương trình $\sqrt{3x} + \sqrt{10 - 2x} = m \cdot u(x)$ có nghiệm trên đoạn $[0; 5]$?



A. 6.

B. 4.

C. 5.

D. 3.

Câu 173: Cho hàm số $y = \frac{x^3}{3} - \frac{3}{2}x^2 + 4x + 2017$. Định m để phương trình $y' = m^2 - m$ có đúng hai nghiệm thuộc đoạn $[0; m]$

A. $\left(\frac{1-2\sqrt{2}}{3}; 2\right)$. B. $\left(\frac{1-2\sqrt{2}}{2}; 2\right)$. C. $\left(\frac{1+2\sqrt{2}}{2}; 2\right]$. D. $\left(\frac{1+\sqrt{2}}{3}; 2\right)$.

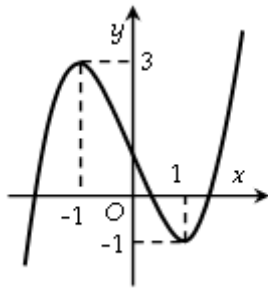
Câu 174: Tìm tập hợp tất cả các giá trị của tham số m để đường thẳng $y = x + 1$ cắt đồ thị hàm số $y = \frac{2x+m}{x-1}$ tại hai điểm phân biệt có hoành độ dương.

A. $-2 < m < -1$. B. $m < -1$. C. $-2 < m < 1$. D. $m < 1$.

Câu 175: Tìm tập hợp tất cả các giá trị của tham số m sao cho đường thẳng $y = mx + 1$ cắt đồ thị của hàm số $y = \frac{x-3}{x+1}$ tại hai điểm phân biệt.

A. $(-\infty; 0)$. B. $(-\infty; 0) \cup (16; +\infty)$.
C. $(-\infty; 0] \cup [16; +\infty)$. D. $(16; +\infty)$.

Câu 176: Cho đồ thị hàm số $y = x^3 - 3x + 1$. Tìm giá trị của m để phương trình $x^3 - 3x - m = 0$ có ba nghiệm thực phân biệt.



A. $-2 < m < 3$. B. $-2 < m < 2$. C. $-1 < m < 3$. D. $-2 \leq m < 2$.

Câu 177: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để đồ thị hàm số $y = x^4 - 8x^2 + 3$ cắt đường thẳng $d: y = 2m - 7$ tại bốn điểm phân biệt.

A. $-3 < m < 5$. B. $m > -3$. C. $m = 5$. D. $-6 < m < 10$.

Câu 178: Tìm tất cả số thực của tham số m để phương trình $2x - 1 = m(x - 1)$ có nghiệm thuộc đoạn $[-1; 0]$.

A. $1 \leq m \leq \frac{3}{2}$. B. $1 \leq m \leq 2$. C. $m \leq \frac{3}{2}$. D. $m \geq 1$.

Câu 179: Tìm tất cả giá trị của tham số m để phương trình $x^3 - 3x^2 - m^3 + 3m^2 = 0$ có ba nghiệm phân biệt?

A. $\begin{cases} -1 < m < 3 \\ m \neq 0 \wedge m \neq 2 \end{cases}$. B. $\begin{cases} -1 < m < 3 \\ m \neq 0 \end{cases}$. C. $\begin{cases} -3 < m < 1 \\ m \neq -2 \end{cases}$. D. $-3 < m < 1$.

Câu 180: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m sao cho phương trình $\sqrt{x^2 - 4x + 5} = m + 4x - x^2$ có đúng 2 nghiệm dương?

A. $-3 < m < \sqrt{5}$. B. $-\sqrt{5} < m < 3$. C. $-3 \leq m < 3$. D. $1 \leq m \leq 3$.

Câu 181: Biết rằng phương trình $\sqrt{2-x} + \sqrt{2+x} - \sqrt{4-x^2} = m$ có nghiệm khi m thuộc $[a; b]$ với $a, b \in \mathbb{Q}$. Khi đó giá trị của $T = (a+2)\sqrt{2} + b$ là?

A. $T = 8$. B. $T = 0$. C. $T = 3\sqrt{2} + 2$. D. $T = 6$.

Câu 182: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $x^3 - 3x = m^2 + m$ có ba nghiệm phân biệt.

A. $1 < m < 2$. B. $-2 < m < -1$. C. $-1 < m < 2$. D. $-2 < m < 1$.

Câu 183: Cho hàm số $y = f(x)$ xác định trên $\mathbb{R} \setminus \{\pm 1\}$, liên tục trên mỗi khoảng xác định và có bảng biến thiên như sau:

x	$-\infty$	-1	0	1	$+\infty$
y'	+	+	+	+	+
y	-2 $\nearrow +\infty$	$-\infty$ $\nearrow -1$	$\nearrow +\infty$	$-\infty$ $\nearrow 2$	

Tìm tập hợp tất cả các giá trị của tham số m sao cho phương trình $f(x) = m$ có ba nghiệm thực phân biệt.

A. $(2; +\infty)$.B. $[-2; 2]$.C. $(-\infty; +\infty)$.D. $(-2; 2)$.

Câu 184: Cho hàm số $y = f(x)$ xác định trên $\mathbb{R}$, và có bảng biến thiên như sau:

x	$-\infty$	-1	0	1	$+\infty$
y'	-	0	+	0	-
y	$+\infty$ $\searrow -1$	$\nearrow 3$	$\searrow -1$	$\nearrow +\infty$	

Tìm tập hợp tất cả các giá trị của m sao cho phương trình $f(x) = m$ có 4 nghiệm phân biệt.

A. $(-1; +\infty)$.B. $(-1; 3)$.C. $(3; +\infty)$.D. $[-1; 3]$.

Câu 185: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên sau

x	$-\infty$	-3	-1	0	2	$+\infty$
y'	-	0	+	0	-	0
y	$+\infty$ $\searrow -5$	$\nearrow 0$	$\searrow -2$	$\nearrow 3$	$\searrow -\infty$	

Tìm m để đồ thị hàm số $y = f(x)$ và $y = m$ cắt nhau tại hai điểm phân biệt, đồng thời hai điểm này nằm ở hai nửa mặt phẳng có bờ là trục tung.

A. $m = -5$ và $m = 3$.B. $m = -2$ và $m = 0$.C. $m = -2$ và $m = 3$.D. $m = -5$ và $m = 0$.

Câu 186: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $\sin 2x - m \cos 2x = 2m \sin x - 2 \cos x$ có nghiệm thuộc đoạn $\left[0; \frac{\pi}{4}\right]$.

A. $\left[0; \frac{2+\sqrt{2}}{2}\right]$.B. $[0; 1]$.C. $\left[\frac{2+\sqrt{2}}{2}; 2\right]$.D. $[1; 2]$.

Câu 187: Cho hàm số $y = \frac{x^3}{3} - \frac{3}{2}x^2 + 4x + 2017$. Định m để phương trình $y' = m^2 - m$ có đúng hai nghiệm thuộc đoạn $[0; m]$.

A. $\left(\frac{1-2\sqrt{2}}{2}; 2\right)$.B. $\left(\frac{1-2\sqrt{2}}{3}; 2\right)$.C. $\left(\frac{1+\sqrt{2}}{3}; 2\right)$.D. $\left(\frac{1+2\sqrt{2}}{2}; 2\right)$.

Câu 188: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để hệ phương trình có nghiệm $\begin{cases} \sqrt{x} + \sqrt{y} = 2 \\ x^3 + y^3 = m \end{cases}$.

A. $m \geq 2$.

B. $m \geq 0$.

C. $m \leq 64$.

D. $2 \leq m \leq 64$.

Câu 189: Tìm các giá trị của m để phương trình $x^3 - 6x^2 + 9x - 3 - m = 0$ có ba nghiệm thực phân biệt trong đó hai nghiệm lớn hơn 2.

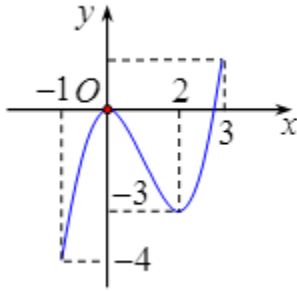
A. $-3 < m < 1$.

B. $-1 < m < 1$.

C. $m > 0$.

D. $-3 < m < -1$.

Câu 190: Cho hàm số $y = f(x)$ xác định, liên tục trên đoạn $[-1; 3]$ và có đồ thị là đường cong trong hình vẽ bên. Tập hợp T tất cả các giá trị thực của tham số m để phương trình $f(x) = m$ có 3 nghiệm phân biệt thuộc đoạn $[-1; 3]$ là.



A. $T = (-3; 0)$.

B. $T = (-4; 1)$.

C. $T = [-3; 0]$.

D. $T = [-4; 1]$.

Câu 191: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để đường thẳng $y = m$ cắt đồ thị hàm số $y = x^4 - 2x^2 + 2$ tại 4 điểm phân biệt.

A. $m > 2$.

B. $2 < m < 3$.

C. $1 < m < 2$.

D. $m < 2$.

Câu 192: Tìm m để đường thẳng $y = m$ cắt đồ thị hàm số $y = x^4 - 2x^2 + 3$ tại 4 điểm phân biệt.

A. $0 < m < 1$.

B. $2 < m < 3$.

C. $-1 < m < 0$.

D. $-1 < m < 1$.

DẠNG 6: ĐIỀU KIỆN ĐỂ $F(x) = G(m)$ CÓ N - NGHIỆM THUỘC K (CHỨA TRỊ TUYỆT ĐỐI)

Câu 193: Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng biến thiên như sau

x	$-\infty$	0	1	$+\infty$
$f'(x)$	+	+	0	-
$f(x)$	$-\infty$	$+\infty$	3	$-\infty$

Với các giá trị thực của tham số m , phương trình $f(|x| + m) = 0$ có nhiều nhất bao nhiêu nghiệm?

A. 6.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 194: Cho hàm số $y = \sqrt{1-x^2} + 2|x| - m$ có thị là (C) , với m là một số thực bất kì. Khi đó khẳng định nào sau đây là khẳng định là đúng?

A. Nếu $m \leq 1$ thì đồ thị (C) không cắt trục Ox .

B. Nếu $1 < m < 2$ thì đồ thị (C) cắt trục Ox tại ba điểm.

C. Nếu $m > 1$ thì đồ thị (C) có thể cắt trục Ox tại duy nhất một điểm.

D. Nếu $m \leq 3$ thì đồ thị (C) có thể cắt trục Ox tại duy nhất một điểm.

Câu 195: Cho hàm số $f(x)$ có đồ thị như hình vẽ dưới đây:

Phương trình $|f(x)| = \pi$ có bao nhiêu nghiệm thực phân biệt.

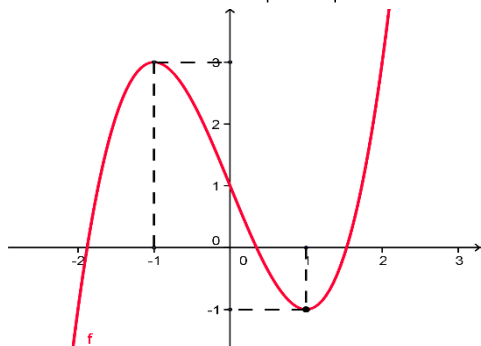
A. 6.

B. 4.

C. 3.

D. 2.

Câu 196: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị là đường cong như hình vẽ bên. Tìm tất cả các giá trị thực của m để phương trình $|f(x)| = m$ có 4 nghiệm phân biệt.



A. $1 < m < 3$.

B. $0 < m < 3$.

C. Không có giá trị nào của m .

D. $1 < m \leq 3$.

Câu 197: Hình vẽ bên là đồ thị của hàm số $y = x^3 - 3x - 1$. Tất cả các giá trị của m để phương trình $|x^3 - 3x - 1| = m$ có 3 nghiệm đôi một khác nhau là

A. $1 < m < 3$.

B. $m = 0$.

C. $m = 0, m = 3$.

D. $-3 < m < 1$.

Câu 198: Biết rằng tập hợp tất cả các giá trị của tham số m để phương trình $|x^3 - 3|x| + 1| = m - 1$ có 6 nghiệm là một khoảng có dạng $(a; b)$. Tính tổng $S = a^2 + b^2$.

A. 5.

B. 25.

C. 10.

D. 1.

Câu 199: Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m sao cho phương trình $2\sqrt{x+1} = x + m$ có nghiệm thực?

A. $m \geq 2$.

B. $m \leq 2$.

C. $m \geq 3$.

D. $m \leq 3$.

Câu 200: Cho hàm số có bảng biến thiên như hình vẽ.

x	$-\infty$	-2	3	$+\infty$	
y'	$+$	0	$-$	0	$+$
y	$-\infty$	4	-2	$+\infty$	

Số nghiệm của phương trình $|f(x-1)| = 2$ là

A. 3.

B. 5.

C. 4.

D. 2.

Câu 201: Sau đây là bảng biến thiên của hàm số $y = f(x)$:

x	$-\infty$	-2	0	$+\infty$		
y'		$+$	0	$-$	0	$-$
y	$-\infty$		3		-1	$+\infty$

Số nghiệm của phương trình $2|f(x)| - 3 = 0$ là

- A. 3. B. 5. C. 6. D. 4.

Câu 202: -2017] Tìm m để phương trình $|x|^3 - 3x^2 + 1 = m$ có 4 nghiệm phân biệt.

- A. $(1;3)$. B. $(-3;1) \setminus \{0\}$. C. $(-3;1)$. D. $(1;3) \cup \{0\}$.

Câu 203: Biết đường thẳng $y = m - 1$ cắt đồ thị hàm số $y = 2|x|^3 - 9x^2 + 12|x|$ tại 6 điểm phân biệt. Tất cả giá trị của tham số m là

- A. $3 < m < 4$. B. $m > 6$ hoặc $m < 5$.
C. $4 < m < 5$. D. $5 < m < 6$.

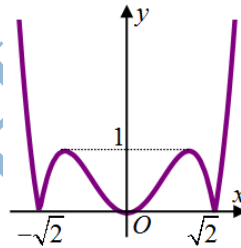
Câu 204: Cho hàm số $y = f(x) = ax^3 + bx^2 + cx + d$ có bảng biến thiên như sau:

x	$-\infty$	0	1	$+$	
y'	+	0	-	0	+
y	$-\infty$	1	0	$+$	

Khi đó $|f(x)| = m$ có bốn nghiệm phân biệt $x_1 < x_2 < x_3 < \frac{1}{2} < x_4$ khi và chỉ khi

- A. $0 < m \leq 1$. B. $\frac{1}{2} < m < 1$. C. $\frac{1}{2} \leq m < 1$. D. $0 < m < 1$.

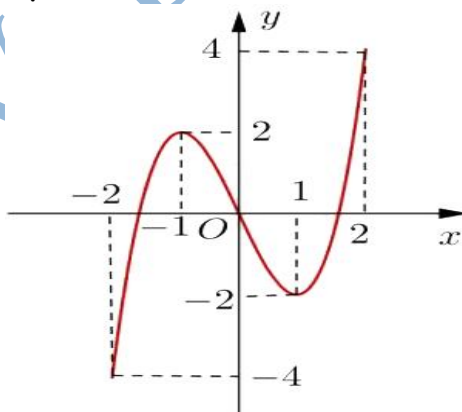
Câu 205: Cho hàm số $y = |x^4 - 2x^2|$ có đồ thị như hình vẽ:



Tìm tất cả các giá trị của tham số m để phương trình $|x^4 - 2x^2| = m$ có 4 nghiệm phân biệt.

- A. $m = 0$. B. $0 < m < 1$. C. $m > 1$. D. $m = 1$.

Câu 206: Cho hàm số $y = f(x)$ xác định và liên tục trên đoạn $[-2; 2]$ và có đồ thị là đường cong trong hình vẽ bên dưới. Xác định giá trị của tham số m để phương trình $|f(x)| = m$ có số nghiệm thực nhiều nhất.



- A. 5. B. 3. C. 6. D. 4.

Câu 207: Có bao nhiêu giá trị nguyên của m thuộc đoạn $[-14;15]$ sao cho đường thẳng $y = mx + 3$ cắt đồ thị hàm số $y = \frac{2x+1}{x-1}$ tại hai điểm phân biệt.

A. 20.

B. 17.

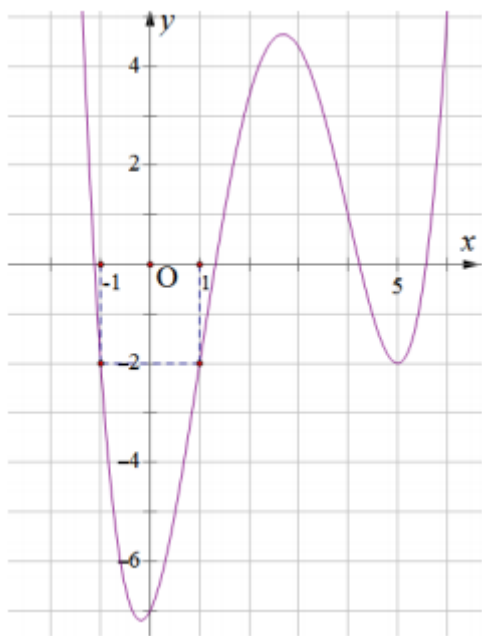
C. 16.

D. 15.

Câu 208: Giá trị của m để phương trình $4|x|^3 - 3|x| - 1 = mx + m$ có 4 nghiệm phân biệt là :

A. $m \in (9 - 6\sqrt{3}; 6\sqrt{3} - 9)$.B. $m \in (9 - 6\sqrt{3}; -1)$.C. $m \in (9 - 6\sqrt{3}; 1)$.D. $m \in (1; 6\sqrt{3} - 9)$.

Câu 209: Cho hàm số $y = f(x)$ có đồ thị như hình bên. Tồn tại bao nhiêu giá trị nguyên của tham số m để phương trình $f(\sin x) = m$ có đúng hai nghiệm thuộc đoạn $[0; \pi]$?



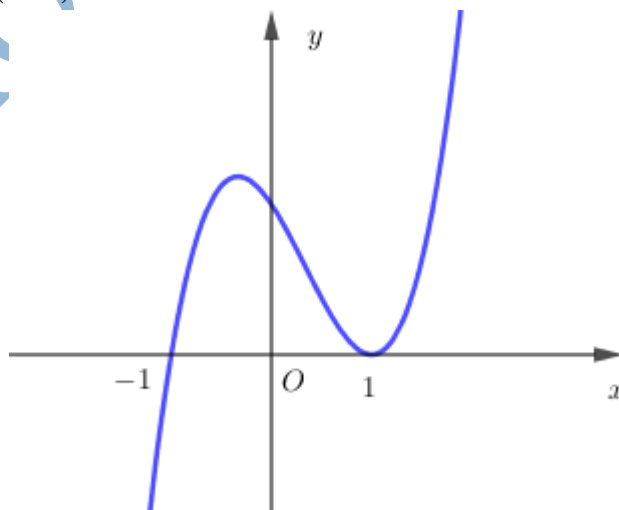
A. 5.

B. 6.

C. 4.

D. 7.

Câu 210: Cho hàm số $y = f(x)(x-1)$ xác định và liên tục trên $\mathbb{R}$ có đồ thị như hình 4 dưới đây.



Tìm tất cả các giá trị của m đường thẳng $y = m^2 - m$ cắt đồ thị hàm số $y = f(x)|x-1|$ tại 2 điểm có hoành độ nằm ngoài đoạn $[-1;1]$.

A. $m > 0$ B. $m > 1$ hoặc $m < 0$ C. $m < 1$ D. $0 < m < 1$

GV: ĐÀO PHƯƠNG THẢO